***Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng con đường Tòa án – Thực tiễn tại Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng – Phần 1***

**1.1. Khái quát về tranh chấp kinh doanh thương mại và giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng con đường Tòa án**

***1.1.1. Khái niệm, đặc điểm tranh chấp kinh doanh thương mại***

***1.1.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại***

Kinh tế là một trong những lĩnh vực nhà nước đặc biệt quan tâm, bởi xuất phát từ tầm quan trọng về ý nghĩa và giá trị của nó, nhà nước luôn tiến hành định hướng sự phát triển của kinh tế theo một khuôn mẫu nhất định. Tuy nhiên, với tình hình diễn biến trong đời sống xã hội luôn biến động hiện nay, đã dẫn đến sự xuất hiện các quan hệ xã hội mới, thay thế hặc chấm dứt vì vậy, pháp luật kinh tế cần phải thay đổi, bổ sung hoặc thay thế để thích ứng với sự thay đổi của nền kinh tế hiện nay.

Tranh chấp theo góc độ xã hội học, được hiểu là sự xung đột, bất đồng về quyền lợi khi tham gia vào thị trường giữa các nhóm xã hội khác nhau. Nhóm xã hội này muốn tước đoạt vị thế, lợi ích của nhóm khác, dẫn đến sự đấu tranh giữa các nhóm để phân phối lại lợi thế trên thị trường kinh doanh.

Dưới góc độ pháp lý, tranh chấp được hiểu là những xung đột, bất đồng về quyền và lợi ích hợp pháp, quyền lợi và nghĩa vụ giữa các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật.

Trong khoa học pháp lý, tranh chấp KDTM là thuật ngữ có nguồn gốc từ thông lệ quốc tế, hình thành qua thực tiễn xét xử các vụ án quốc tế trong lĩnh vực KDTM. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp lý quốc tế thuật ngữ tranh chấp KDTM không được nêu cụ thể mà thay vào đó là thuật ngữ “tranh chấp thương mại” hay thuật ngữ “tranh chấp kinh tế”.

Hiện nay, ở Việt Nam, khái niệm tranh chấp KDTM cũng được tiếp cận dưới nhiều góc độ và có nhiều tên gọi khác nhau: Tranh chấp kinh tế, tranh chấp thương mại, tranh chấp kinh doanh hay tranh chấp KDTM.

Khái niệm tranh chấp KDTM lần đầu tiên được đề cập trong LTM 1997. Tại Điều 238 LTM 1997 quy định “*Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại*”. Vì lúc này khái niệm về hoạt động kinh doanh thương mại bị bó hẹp nên khái niệm tranh chấp thương mại theo LTM 1997 cũng có nội hàm rất hẹp, loại bỏ nhiều tranh chấp không được coi là tranh chấp thương mại như: đầu tư, xây dựng, hoạt động trung gian thương mại…, mặc dù xét về bản chất hoàn toàn có thể coi là các tranh chấp thương mại trong ngữ cảnh đương đại.

Khi Luật thương mại 2005 ra đời, khái niệm hoạt động thương mại được định nghĩa mở rộng “*là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác*”. Thông qua khái niệm này, tuy Luật không cụ thể khái niệm tranh chấp KDTM nhưng có thể dễ dàng hiểu được tranh chấp kinh doanh thương mại chính là những tranh chấp phát sinh trong hoạt động thương mại được liệt kê tại khoản 1 Điều 3 Luật này. Và khái niệm này được kế thừa và phát triển trong Luật Doanh nghiệp 2014 quy định tại khoản 16 Điều 4 “*Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi*”.

Hai hoạt động kinh doanh và thương mại đều có cùng nội hàm về việc các chủ thể kinh doanh cùng hoạt động, kinh doanh, đầu tư, cung ứng dịch vụ…nhằm mục đích sinh lợi. Do đó, hai hoạt động này đã được BLTTDS 2015 gọi chung là hoạt động kinh doanh, thương mại và đưa vào cùng một quy trình khi giải quyết là hoàn toàn phù hợp. BLTTDS 2015 không dùng khái niệm tranh chấp về hợp đồng kinh tế như Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế mà dùng khái niệm tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đã liệt kê đầy đủ hơn các hành vi kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án tại Điều 30 BLTTDS 2015.

Từ đó, có thể nhận thấy rằng, khái niệm tranh chấp KDTM thực chất được hiểu là những mâu thuẫn phát sinh từ việc các chủ thể kinh doanh có sự bất đồng nhau trong hoạt động kinh doanh, đầu tư, cung ứng dich vụ…gọi chung là các hoạt động trong KDTM. Các định nghĩa này mặc dù còn nhiều hạn chế song cũng đã chỉ ra được bản chất của tranh chấp KDTM là mâu thuẫn, xung đột về những lợi ích phát sinh khi tham gia các hoạt động KDTM.

Tại Giáo trình Luật thương mại tập 2 của trường Đại học Luật Hà Nội cũng đưa ra quan điểm về tranh chấp thương mại: “*Tranh chấp thương mại là những mẫu thuẫn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại*”. Khái niệm này cũng lấy hoạt động thương mại là cơ sở để xem xét và định nghĩa về tranh chấp KDTM. Qua đó có thể nhận xét rằng, các khái niệm tranh chấp KDTM hiện vẫn chưa đưa ra được cách hiểu hoàn chỉnh nhất, đặc biệt là chưa có văn bản pháp lý nào quy định cụ thể khái niệm tranh chấp KDTM mà chỉ được hiểu qua quan điểm, bài viết của một số tác giả dựa trên quy định về hoạt động thương mại trong luật nội dung và luật tố tụng để tiếp cận khái niệm tranh chấp KDTM.

Từ những phân tích nêu trên, có thể hiểu: “*Tranh chấp kinh doanh thương mại là những mâu thuẫn, bất đồng hay xung đột về quyền lợi và nghĩa vụ giữ các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại*”.

***1.1.1.2. Đặc điểm tranh chấp kinh doanh thương mại***

Tranh chấp kinh doanh thương mại là một tranh chấp pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại của các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh, do đó có những đặc điểm cơ bản sau:

*Thứ nhất*, chủ thể trong tranh chấp KDTM là các chủ thể tham gia hoạt động KDTM, hay là các chủ thể tham gia toàn bộ quá trình từ lao động sản suất đến tiêu thụ sản phẩm cung ứng các dịch vụ trên thị trường, các hoạt động xúc tiến, đầu tư thương mại và các hoạt động khác với mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Do đó, trên thực tế chủ thể của tranh chấp KDTM có thể là thương nhân những người hoạt động thương mại, có đăng ký kinh doanh. Ngoài thương nhân là chủ thể chủ yếu của tranh chấp KDTM, trong trường hợp nhất định, các cá nhân, tổ chức khác không phải là thương nhân cũng có thể là chủ thể của tranh chấp KDTM như: tranh chấp công ty và thành viên công ty; giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty hay tranh chấp về giao dịch giữa một bên không nhằm mục đích sinh lợi với thương nhân thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam trong trường hợp bên không nhằm mục đích sinh lợi đó chọn áp dụng LTM theo khoản 3 Điều 1 LTM năm 2005.

*Thứ hai*, khách thể của tranh chấp KDTM là các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể phát sinh trong quan hệ KDTM theo hợp đồng hoặc không theo hợp đồng xảy ra trước, trong hay sau thỏa thuận của các bên. Lợi ích kinh tế là đối tượng của tranh chấp KDTM. Những xung đột kinh tế với giá trị lớn ảnh hưởng đến sự sống còn trên thị trường của các chủ thể và lợi ích của nhiều đối tượng . Do đó, đòi hỏi các bên phải cân nhắc kỹ những ưu điểm và nhược điểm khi lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết xung đột, tranh chấp KDTM.

*Thứ ba*, nội dung của tranh chấp KDTM phải là những tranh chấp, mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, tài sản trong hoạt động thương mại. Mục đích cơ bản của hoạt động KDTM là sinh lời và đối tượng đầu tư cũng như mong muốn mà các chủ thể kinh doanh đạt được sau quá trình đầu tư là tài sản hoặc các lợi ích kinh tế khác nên tranh chấp KDTM tất yếu phải là tranh chấp nảy sinh xung đột về các giá trị kinh tế và tài sản mà các chủ thể mong muốn đạt được. Khi các giá trị về kinh tế và tài sản của chủ thể này bị chủ thể khác tước đoạt hoặc xâm hại thì tranh chấp nảy sinh, và yêu cầu cuối cùng hướng đến đó là quyền lợi kinh tế và tài sản của các bên được đảm bảo.

***1.1.2. Khái niệm giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án***

Tranh chấp là một trong những hệ quả luôn xảy ra trong hoạt động KDTM, vì vậy, giải quyết tranh chấp phát sinh được coi là một nhu cầu tất yếu cần phải có. Khi xảy ra tranh chấp, các bên cần phải có một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả để bình ổn sự hợp tác và phát triển cho hai bên.

Hoạt động KDTM luôn tồn tại song song hai mối quan hệ xung đột và hợp tác. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp KDTM các bên phải nhanh chóng tìm ra những phương thức giải quyết hiệu quả nhất để giải quyết xung đột, sớm đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trở lại hoạt động bình thường, góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh ổn định. Tuy nhiên để làm được điều này, đòi hỏi các bên xảy ra tranh chấp cũng như cơ quan giải quyết tranh chấp phải phối hợp với nhau để việc giải quyết được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, không làm cản trở quá trình sản xuất kinh doanh của các bên đồng thời đảm bảo được sự uy tín trong hợp tác KDTM giữa các bên.

KDTM là một lĩnh vực tự do, theo đó, các chủ thể tham gia có quyền tự do kinh doanh, bao gồm cả quyền tự do lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp KDTM ngay từ trước hoặc sau khi tranh chấp xảy ra. Việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp thường được các bên thực hiện dựa trên các yếu tố như: thời gian giải quyết nhanh chóng, ít tốn kém (chi phí), không làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt các quyền tự do kinh doanh của họ phải được đảm bảo. Các chủ thể thông qua phương thức Thương lượng, Hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết tranh chấp, loại bỏ những mâu thuẫn, xung đột xảy ra bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình không bị xâm phạm.

Như vậy, giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại có thể được hiểu là cách thức hay phương thức để điều chỉnh các xung đột, bất đồng nhằm khắc phục và loại trừ các tranh chấp đã phát sinh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh doanh thương mại, bảo vệ trật tự kỷ cương của xã hội.

Từ đó, có thể hiểu, “***Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án*** *là phương thức giải quyết, theo đó các xung đột, bất đồng phát sinh trong hoạt động KDTM sẽ được các bên tranh chấp thông qua người thứ ba trung gian (Tòa án), là cơ quan tài phán nhân danh quyền lực nhà nước thực hiện và được tiến hành theo trình tự thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ. Các bản án hay quyết định của tòa án có giá trị pháp lý cao, buộc các bên phải thực hiện nếu không có sự tự nguyện thực hiện sẽ được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước”*.

Giải quyết tranh chấp KDTM tại tòa án có các đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất*, có sự tham gia của bên thứ ba trung gian để giải quyết các tranh chấp về KDTM là tòa án thông qua hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử (Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân). Tòa án là cơ quan tài phán nhân danh quyền lực nhà nước giải quyết các tranh chấp KDTM, khi có yêu cầu giải quyết của một trong các bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

*Thứ hai*, việc giải quyết tranh chấp KDTM tại tòa án phải tuân thủ theo trình tư, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định tại BLTTDS 2015, bao gồm thủ tục tại nhiều cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm) và thủ túc xem lại bản án, quyết định (giám đốc thẩm, tái thẩm).

*Thứ ba*, bản án hay quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thi hành và có thể kèm theo biện pháp cưỡng chế thi hành nếu các bên không tự nguyện thi hành. Và bản án, quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

**1.2. Pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án**

***1.2.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Tòa án***

Trong bộ máy nhà nước, tòa án là cơ quan thực thi quyền tư pháp và việc thực thi này ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị, mục tiêu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Tòa án cũng là nơi thể hiện sâu sắc nhất nền công lý của chế độ xã hội chủ nghĩa và bản chất của nhà nước đồng thời thể hiện rõ sự uy tín, thống nhất trong việc áp dụng và thi hành pháp luật của hệ thống tư pháp nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, tòa án cần phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự thủ tục do pháp luật quy định để đảm bảo hoạt động xét xử hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, đảm bảo vị thế vai trò quan trọng của tòa án trong hoạt động quản lý xã hội.

Theo đó, nguyên tắc giải quyết tranh chấp KDTM tại tòa án là một quy trình, phương châm định hướng giải quyết tranh chấp do tòa án, cơ quan thực thi quyền tư pháp của nhà nước đứng ra tiến hành giải quyết các tranh chấp KDTM và buộc tòa án phải tuân thủ. Các nguyên tắc cơ bản trong quá trình giải quyết tranh chấp KDTM được quy định cụ thể trong BLTTDS 2015.

*Một là*, nguyên tắc tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

Quyền định đoạt của đương sự trong pháp luật tố tụng được thể hiện qua quá trình khi tham gia tố tụng, đương sự được tự do định đoạt các quyền, nghĩa vụ và phương tiện tố tụng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình không bị xâm hại. Nguyên tắc này được ghi nhận tại Điều 5 BLTTDS 2015. Theo đó, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự nếu đương sự đó có đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu giải quyết và tòa án sẽ chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền thay đổi, bổ sung hay chấm dứt yêu cầu của mình hoặc tự nguyện thỏa thuận với nhau, không vi phạm các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

*Hai là*, nguyên tắc tòa án không tiến hành điều tra mà chỉ thu thập, xác minh chứng cứ.

Trong pháp luật tố tụng, việc thu thập chứng cứ và chứng minh là yếu tố cốt lõi nhất. Về bản chất, chứng cứ là những thông tin, tài liệu có thật được đương sự cung cấp hoặc do cơ quan điều tra thu thập, đánh giá theo quy định của pháp luật, góp phần vào việc giải quyết nhanh chóng, đúng đắn các vụ án, tranh chấp. Nếu như tố tụng hình sự quy định khi có tội phạm xảy ra, cơ quan điều tra hoặc các cơ quan, đơn vị khác liên quan có quyền thực hiện thu thập chứng cứ; còn trong tố tụng dân sự nói chung và trong tố tụng án KDTM nói riêng thì khi khởi kiện ra tòa án, các đương sự phải tự mình thu thập, cung cấp thông tin tài liệu chứng cứ cho tòa án. Điều này được quy định tại Điều 6 BLTTDS 2015. Theo đó, đương sự bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có quyền và nghĩa vụ cung cấp, giao nộp chứng cứ cho tòa án và phải chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án không tiến hành điều tra mà có trách nhiệm hỗ trợ đương sự thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp nhất định như đương sự không tự mình thu thập được chứng cứ hay trong các trường hợp khác do pháp luật quy định. Việc đương sự chứng minh và cung cấp đầy đủ chứng cứ góp phần thúc đẩy nhanh, hiêu quả quá trình giải quyết tranh của tòa án.

*Ba là*, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.

Quyền bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của mọi công dân được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa trong nhiều văn bản pháp luật, trong đó có BLTTDS 2015 quy định tại Điều 8 “Trong tố tụng dân sự mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, địa vị xã hội. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước tòa án; Tòa án có trách nhiệm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng cho họ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình”. Các chủ thể được pháp luật thừa nhận quyền bình đẳng khi tham gia quan hệ kinh doanh. Đó là quyền bình đẳng trong việc lựa chọn nghành nghề, hình thức kinh doanh, lựa chọn địa điểm kinh doanh cho đến bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong sản xuất kinh doanh và khi họ tham gia vào quan hệ tố tụng tại tòa án. Có thể nói, quyền bình đẳng trước pháp luật trong tố tụng kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì nó thể hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, góp phần phát triển nền kinh tế. Tạo niềm tin cho các chủ thể kinh doanh mạnh dạn tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội.

*Bốn là*, nguyên tắc hòa giải quy định tại Điều 10 BLTTDS 2015.

Trong giải quyết các vụ án, tranh chấp hòa giải được xem là một biện pháp quan trọng hàng đầu và là nguyên tắc bắt buộc trong tố tụng kinh tế, được pháp luật nhà nước quy định tại Điều 10 BLTTDS 2015 “ *Tòa án có trách nhiệm tiến hành hòa giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này*”. Theo đó, khi có tranh chấp KDTM, các bên trước hết tự tiến hành hòa giải với nhau. Nếu không tự hòa giải được hoặc hòa giải không thành, các bên mới yêu cầu tòa án can thiệp giải quyết. Tuy nhiên, khi giải quyết tại tòa án, đương sự vẫn có thể thực hiện cơ chế hòa giải theo sự hướng dẫn, công nhận của tòa án và khi hòa giải không thành vụ việc mới được tòa án đưa ra xét xử. Trong quá trình hòa giải, tòa án phải tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự, không đe dọa, bắt buộc đương sự thỏa thuận những yêu cầu không phù hợp với ý chí của mình. Việc hòa giải có vai trò rất quan trọng, góp phần hạn chế khiếu nại trong lĩnh vực tư pháp, tiết kiệm thời gian, chi phí và công sức của nhà nước, của đương sự, tạo mối quan hệ kinh doanh gắn bó lâu dài giữa các doanh nghiệp. Hòa giải có thể được tiến hành ở tất cả các giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm…trừ những vụ án không được hòa giải theo quy định tại Điều 207 BLTTDS 2015.

*Năm là*, nguyên tắc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, công bằng và công khai (Điều 15 BLTTDS 2015). Nguyên tắc này yêu cầu tòa án sau khi thụ lý vụ án phải tiến hành các thủ tục cần thiết để xét xử kịp thời đúng thời hạn quy định của pháp luật và đảm bảo công bằng. BLTTDS 2015 quy định cụ thể thời hạn trong từng giai đoạn tố tụng như thời hạn thụ lý, thời hạn xét xử, thời hạn kháng cáo, kháng nghị…và phần lớn được tòa án các cấp thực hiện theo đúng thời hạn luật định. Bên cạnh đó, nguyên tắc cũng yêu cầu tòa án phải tổ chức xét xử công khai, trừ những trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật Nhà nước, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ mới được xét xử kín. Trong KDTM bí mật kinh doanh của doanh nghiệp là những thông tin không thể tiết lộ, chia sẻ, bởi nó ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có thể làm cho doanh nghiệp phá sản. Do đó, các chủ thể kinh doanh có thể dựa trên nguyên tắc này yêu cầu tòa án xét xử kín, bí mật kinh doanh được bảo đảm. Tòa án thông qua nguyên tắc này mở các phiên xét xử công khai, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công nhân và tạo điều kiện cho mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan có thể giám sát hoạt động tư pháp của tòa án.

***1.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án***

Việc xác định đúng thẩm quyền của cơ quan giải quyết trong hoạt động tố tụng nói chung và trong tố tụng KDTM nói riêng là việc làm cần thiết. Khi tranh chấp KDTM xảy ra, trước hết cần xác định nó thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nào để đảm bảo việc giải quyết được diễn ra nhanh chóng, chính xác và hợp pháp. Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp KDTM trong quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp KDTM có ý nghĩa quan trọng trong việc thụ lý, giải quyết tranh chấp và trong thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân các cấp. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp KDTM được BLTTDS 2015 phân định theo vụ việc, theo cấp tòa án, theo lãnh thổ và theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

*Thứ nhất*, thẩm quyền của tòa án theo vụ việc.

Thẩm quyền giải quyết của tòa án theo vụ việc là thẩm quyền của tòa án trong việc thụ lý giải quyết các vụ việc theo thủ tục tố tụng dân sư.2 Pháp luật tố tụng đã quy định rõ các trường hợp tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp KDTM (từ Điều 30, Điều 31 BLTTDS 2015).

Theo đó, những tranh chấp về KDTM thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm: tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, bàn giao tài sản của công ty, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty.

Ngoài ra, tòa án cũng có thẩm quyền giải quyết theo yêu cầu về KDTM như yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; yêu cầu bắt giữ tàu bay, tàu biển, về hàng hải Việt Nam; yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định KDTM của tòa án nước ngoài hoặc của tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam; yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết KDTM của Trọng tài nước ngoài (Điều 31, BLTTDS 2015).

*Thứ hai*, thẩm quyền của tòa án các cấp.

Theo quy định tại Điều 35 BLTTDS 2015, TAND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm một số tranh chấp về KDTM như tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng kí kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận (khoản 1 Điều 30) và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp (khoản 1 Điều 31). Tuy nhiên, đối với những tranh chấp và yêu cầu nêu trên mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho tòa án, cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện mà sẽ do TAND cấp tỉnh thụ lý giải quyết (khoản 3 Điều 35).

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp KDTM của TAND cấp tỉnh thuộc về Tòa án kinh tế. Tòa án kinh tế TAND cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm tất cả các tranh chấp, yêu cầu về KDTM tại Điều 37 BLTTDS 2015, trừ những tranh chấp, yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện. Khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của TAND cấp huyện, TAND cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết. Ngoài ra, tòa án kinh tế TAND cấp tỉnh còn có thẩm quyền giải quyết phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định KDTM chưa có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

*Thứ ba*, thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ.

Theo Điều 39 BLTTDS 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án KDTM của tòa án theo lãnh thổ được xác định là tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc (nếu bị đơn là các nhân) hoặc nơi bị đơn có trụ sở (nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức); tòa án nơi có bất động sản đối với đối tượng tranh chấp là bất động sản. Ngoài ra, luật cũng cho phép đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn (nếu nguyên đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn (nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức) giải quyết những tranh chấp về KDTM.

Đối với thẩm quyền giải quyết việc KDTM của tòa án theo lãnh thổ được xác định là tòa án nơi người phải thi hành bản án, quyết định KDTM của tòa án nước ngoài cư trú, làm việc (nếu người thi hành án là cá nhân) hoặc nơi người thi hành án có trụ sở (nếu người thi hành án là cơ quan, tổ chức) hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam hoặc không công nhận bản án, quyết định KDTM của tòa án nước ngoài; tòa án nơi người gửi đơn cư trú, làm việc (nếu người gửi đơn là cá nhân) hoặc nơi người gửi đơn có trụ sở (nếu người gửi đơn là cơ quan, tổ chức) có thẩm quyền giải quyết yêu cầu không công nhận bản án, quyết định KDTM của tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam; tòa án nơi người phải thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành có trụ sở, nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài;

*Thứ tư*, thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn.

Để đảm bảo việc giải quyết tranh chấp KDTM của nguyên đơn được thuận lợi, tại Điều 40 BLTTDS 2015 quy định nguyên đơn được quyền lựa chọn tòa án giải quyết tranh chấp về KDTM trong những trường hợp: nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi bị đơn cứ trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết; nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết; nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết; nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết; nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết; nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì thì nguyên đơn có thể yêu cầu tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.